

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST  
Ngày 17-8-2022  
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đức Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp về kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện T, thành phố H; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Tú N và ông Bùi Văn B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; ông Ngọc vắng mặt, ông Bình có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Mạc Thị V, sinh năm 1974; ĐKHHTT: Thôn Đ, xã Q, huyện T, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện T, thành phố H; có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên ngày 03 tháng 5 năm 2007, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị T có cho bà Mạc Thị V vay số tiền 1.750.000.000 đồng. Khi vay bà V có viết giấy nhận nợ và ký ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền. Trong giấy vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, việc trả lãi chỉ thỏa thuận miệng. Từ khi vay tiền cho đến nay, bà V chưa trả tiền cho ông H. Sau nhiều lần tìm gặp, bà V viết giấy xác nhận còn nợ ông H số tiền 2.185.000.000 đồng nhưng do sơ suất giấy này không ghi rõ là vay tiền của ông H. Ông H khởi kiện yêu cầu bà Mạc Thị V phải trả cho ông H số tiền 1.750.000.000 đồng theo như giấy nhận nợ ghi ngày 03 tháng 5 năm 2007 và tiền lãi suất kể từ ngày 30/5/2008 cho đến ngày xét xử xong vụ án. Ngày 26/7/2022, ông H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu lãi suất của số tiền 1.750.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Mạc Thị V: Tòa án đã gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng bà V không hợp tác nên không lấy được lời khai.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên lời khai và đề nghị bà V phải trả cho ông số tiền gốc là 1.750.000.000 đồng, ông H rút yêu cầu đề nghị tính lãi suất.*

*Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đủ cơ sở xác định bà Mạc Thị V vay của ông H, bà T số tiền 1.750.000.000 đồng, hiện chưa trả nợ. Vì vậy, buộc bà V phải trả cho ông H, bà T số tiền 1.750.000.000 đồng. Ông H rút yêu cầu tính lãi nên đình chỉ yêu cầu này. Bà V phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về kiện đòi tiền. Bị đơn bà Mạc Thị V cư trú ở huyện T, thành phố H, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Mạc Thị V nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt, không hợp tác. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người đại diện có mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ông H và bà T yêu cầu bà Mạc Thị V phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 1.750.000.000 đồng. Nguyên đơn xuất trình Giấy ghi nợ ngày 03/05/2007 nội dung ghi bà V vay anh H số tiền 1.750.000.000 đồng, bên dưới ký và ghi Mạc Thị V. Quá trình giải quyết vụ án, bà Mạc Thị V không hợp tác nên Tòa án không lấy được lời khai. Tuy nhiên, tại bản tự khai ghi ngày 08/9/2020 của bà V gửi Tòa án nhân dân huyện T, chính bà V khai khẳng định có ký và viết giấy trên để xác nhận nợ ông H, phù hợp với Giấy ghi nợ ngày 03/05/2007 do nguyên đơn xuất trình. Cũng tại bản tự khai ghi ngày 08/9/2020, bà V trình bày đã trả hết cho ông H khoản tiền trên nhưng bà V không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chính bà V đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ Tòa án nhân dân huyện T đang giải quyết việc kiện đòi tiền giữa ông H và bà V nhưng bản thân bà V không có ý kiến gì. Vì vậy, đủ cơ sở xác định bà V có vay của ông H, bà T số tiền 1.750.000.000 đồng nên buộc bà V phải trả lại cho ông H, bà T số tiền đã vay trên là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Tại bản tự khai ghi ngày 08/9/2020, bà V trình bày vợ chồng bà là bà và ông Hoàng Văn K vay số tiền trên của vợ chồng ông H, bà T. Tuy nhiên, ông H, bà T khẳng định chỉ cho bà V vay với tư cách cá nhân. Giấy ghi nợ ngày 03/05/2007 chỉ ghi một mình bà V vay tiền. Tại bản tự khai ngày 08/9/2020, bà V trình bày vợ chồng bà ly thân từ năm 2007 và ly hôn năm 2008. Đối với ông Hoàng Văn K, Tòa

án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông K không hợp tác. Vì vậy, không đủ căn cứ xác định ông K và bà V vay chung số tiền của ông H, bà T. Nếu có yêu cầu thì bà V có thể khởi kiện đối với ông K bằng một vụ án dân sự khác.

[5]. Về yêu cầu tính lãi suất: Ông H yêu cầu bà V phải trả cho ông H số tiền lãi của số tiền 1.750.000.000 đồng kể từ ngày 30/5/2008 cho đến ngày xét xử. Xét không có văn bản thể hiện việc vay nợ giữa các bên có thỏa thuận lãi suất. Hơn nữa, ngày 26/7/2022 ông H xin rút yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H: Buộc bà Mạc Thị V phải trả nợ cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị T số tiền nợ gốc là 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Mạc Thị V phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền lãi của số tiền 1.750.000.000 đồng kể từ ngày 30/5/2008 cho đến ngày xét xử.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mạc Thị V phải nộp 64.500.000 đồng (Sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bà Mạc Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Dũng**